

NHỮNG NGÀY BÁC HỒ VỀ NƯỚC

ĐỖ HOÀNG LINH*

Từ cuối năm 1940, tại làng Nậm Quang (thuộc Tỉnh Tây, Trung Quốc) nằm sát biên giới nước ta, lãnh tụ cách mạng Nguyễn Ái Quốc đã mở một lớp huấn luyện chính trị, cùng các đồng chí Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp biên soạn giáo án và trực tiếp giảng dạy. Chương trình học gồm 3 vấn đề lớn: Tình hình thế giới và trong nước; tổ chức các đoàn thể cứu quốc; cách điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện và đấu tranh cách mạng. Học viên có 43 người, ở phân tán trong các nhà dân thuộc hai bản Nậm Quang và Ngàn Tẩu. Bác đã căn dặn anh em 5 điều nên làm đối với dân là: giúp dân những công việc thiết thực hàng ngày; tìm hiểu những phong tục tập quán, nghiêm túc chấp hành các điều kiêng; học tiếng địa phương, dạy hát, dạy chữ, gây cảm tình với dân; tùy nơi, tùy lúc mà tuyên truyền cách mạng cho thích hợp; làm cho dân thấy mình đúng đắn, chăm công việc, trọng kỷ luật để dân tin và giúp đỡ; 5 điều nên tránh là: những việc làm thiệt hại đến dân, làm bẩn, làm hỏng nhà cửa, ruộng vườn của dân; năn nỉ mua hoặc mượn thứ gì cho kỳ được; sai lời hứa; phạm đến phong tục, tập quán, tín ngưỡng của dân; lộ bí mật.

Theo chỉ dẫn của Bác, sáng sáng anh em phân công nhau đi gánh nước, làm vệ sinh giúp dân. Thời gian này giáp Tết nên dân làng lo tích trữ củi, Bác vẫn cùng anh em giúp dân chuyển củi từ rừng về nhà. Cuộc sống rất kham khổ, bữa ăn chỉ có vài bát cháo ngô loãng với muối và rau xanh nhưng đồng bào rất cảm tình và hết lòng giúp đỡ lớp học cách mạng. Các buổi học được tổ chức ở ngoài chòi, ai biết chữ thì ghi chép, ai không biết chữ thì lắng nghe, ai hiểu nhanh thì nhắc lại cho người chưa hiểu. Xong phần lý thuyết thì thực hành. Anh em chia thành hai nhóm vào vai cán bộ và nhân dân rồi lại đổi vai để đưa ra các câu hỏi và giải đáp cận kề. Bác duyệt rất kỹ tất cả các bài giảng và sau mỗi bài lại họp rút kinh nghiệm ngay.

Ngày 26 - 1 - 1941, khóa học kết thúc, mọi người chia tay nhau toả đi khắp nơi. Đồng chí Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng ở lại Tỉnh Tây; các đồng chí Phùng Chí Kiên, Lê Quảng Ba, Thế An, Cáp, Lộc được theo Bác từ Nậm Quang về nước.

Đoàn khởi hành từ sáng sớm ngày mùng 2 tết âm lịch, đến 9 giờ sáng mới đến làng Pò Vẩn, vượt dốc, men theo sườn núi đá tai mèo lởm chởm, xuyên qua rừng lau rậm rạp khoảng hơn 10 giờ thì đến cột mốc biên giới bằng đá mang số hiệu 108 có khắc chữ Hán và chữ Pháp chỉ rõ địa phận nước

* Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch

Việt Nam. Bác đặt chiếc gậy tre xuống chân, vốc một nắm đất rồi ngẩng lên với đôi mắt nhòa lệ nhìn đăm đăm xuôi về phương Nam. Sau làn sương lam mờ, dưới chân dãy núi hùng vĩ thấp thoáng giữa nương ngô là những nếp nhà sàn rải rác; hoa đào, hoa mai, hoa biếc cả toả hương thơm ngào ngạt đầu xuân, tô điểm cho mây tơ, cây bàng, chuôi rừng thêm sắc màu... Người trở về Tổ quốc thân yêu sau 30 năm xa cách.

Lúc này, nhân dân các dân tộc Tày, Nùng vùng Pác Bó - Hà Quảng đang bị thực dân phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề, thổ phỉ cướp bóc liên miên. Để thoát khỏi cuộc sống cùng cực, đồng bào rất hăng hái tham gia cách mạng, sẵn sàng hy sinh tài sản và cả tính mạng để bảo vệ Đảng, nuôi giấu cán bộ. Pác Bó là một làng nhỏ thuộc tổng Lục Khu gồm mấy chục gia đình Nùng chuyên sống về nghề làm ruộng, phát nương. Anh em đưa Bác về ở tạm nhà sàn của gia đình ông Máy Lý, người dân tộc Nùng, một cơ sở cách mạng của ta. Ngôi nhà đơn sơ gồm hai gian nhỏ và một gian mới làm thêm định dành cho khách quý, nhưng Bác nói nên ở trong núi vì đông người. Cụ chủ nhà nài nỉ ngày Tết vào núi không tiện, Bác mỉm cười tỏ ý cảm ơn và nói dứt khoát bằng tiếng dân tộc: *Sầu sáng (ở rừng)*. Ngày 4 Tết, ông Máy Lý đưa Bác đi xem một hang núi kín đáo, tuy nhỏ nhưng đủ chỗ cho cả đoàn. Gần vách hang phía trong nổi lên một nhũ đá trắng do nước mưa dèo giọt lâu năm, gió khô lạnh, không khí ẩm nhưng cuối hang ă thông sang một con đường kín đáo dẫn sang bên kia biên giới, nhân dân gọi là hang Cốc Bó (Đầu nguồn). Ngày 5 Tết, Bác và anh em chuyển tới hang. Ông Máy Lý đem 4 tấm ván dài ngắn khắp khếnh và một tấm cọt. Anh em kê ván chỗ lồi lõm phía trong, phía ngoài bằng phẳng thi cắt lá mây tếp làm đệm, lót cọt nằm trên cho bớt lạnh và đỡ đau lưng. Xem xét địa thế xung quanh, Bác đặt tên cho dòng suối nước xanh như ngọc là suối Lenin, còn ngọn núi sừng sững phía sau, bên trái là núi Các Mác. Bác cũng lấy bí danh là Thu Sơn theo ý nghĩa của sự kiện *dời vào núi*. Đồng bào thường giúp đỡ lương thực, gạo ngô (bắp bẹ xay nhỏ) và muối.

Những lúc gần hết gạo, Bác đề nghị nấu cháo bẹ thay bữa, rau xanh chủ yếu là măng rừng, hôm nào cầu được con cá hoặc hải được rau dớn thì nấu canh chua đổi món. Những ngày ở đây, Bác sáng tác bài thơ "*Tức cảnh Pác Bó*":

*Sáng ra bờ suối, tối vào hang
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang!*

Được khoảng gần một tháng, ông Máy Lý và một người trong họ đi liên lạc cho đoàn thể bị linh đồng nghi ngờ kiểm tra, hai người trốn được nhưng bị thu mất thẻ thuế thân, căn cứ vào địa chỉ trên thẻ, tên châu đoàn dẫn lính đến truy lùng ở xóm Bó Bằm. Được báo động kịp thời nên anh em giấu đồ đạc, xoá dấu vết rồi đưa Bác tạm lánh vào rừng. Sau đó, tuy không bị lộ nhưng để an toàn hơn, anh em rời cơ quan lên Lũng Lạn cách hang Cốc Bó vài trăm thước. Sáu ngày sau, anh em tìm được chỗ ở Khuổi Nậm cũng thuộc khu vực Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, cách hang Cốc Bó chừng 1km. Chiếc lán của Bác dựng ngay giữa lòng con suối đang mùa khô, dựa vào thân cây mạy mạy đang trổ hoa vàng thắm và cây dâu da rừng làm cột cái, mái lán lợp gianh, nhân dân giúp cho một số ván kê sàn để ngủ, còn vách lán, chiếu nằm đều đan bằng lá đào rừng (loại lá dài một mặt trắng, mặt xanh). Anh em cũng làm thêm hai lán nữa gọi là Khuổi Nậm 2 và 3, mỗi lán cách nhau khoảng 200m.

Bác sống rất giản dị và nề nếp theo một thời gian biểu đã định. Đêm rất lạnh và không đủ ánh sáng để làm việc nên anh em thường ngồi quây quanh bếp lửa nghe Bác nói chuyện thời sự và kinh nghiệm hoạt động cách mạng. Sáng nào Bác cũng dậy sớm tập nhu quyền trên một mặt phẳng tự tạo. Người đeo 4 cái chày gỗ: 2 vừa, 2 to và nặng để dùng thay tạ. Bác còn tập leo những quả núi cao nhất với đôi chân trần, vừa để tập luyện và cũng là thăm dò địa hình nhằm ứng phó linh hoạt khi gặp nguy hiểm. Mỗi khi ngừng đánh máy chữ (chiếc Hermesbaby cũ), Người lại chọn 2 hòn đá tròn như trứng gà bóp chặt luyện tay. Hàng ngày Bác họp, nghiên cứu, viết bài,

lúc xuống làng hỏi thăm đồng bào, thăm nhập thực tế và có khi vào rừng lấy củi. Hầu hết thời gian ở lán Bác soạn sách và tài liệu. Người viết thành thơ *Mười điều Việt Minh*, *Dự địa chỉ 28* tỉnh xứ Bắc Kỳ và viết sử *Việt Nam* bằng văn vần; đến trang cuối mục lục cuốn sách Bác viết thêm: *Việt Nam độc lập 1945*. Anh em bàn tán xôn xao, Bác chỉ bảo: *Để rồi xem!* Bác còn soạn lại các bài giảng ở những lớp huấn luyện Việt Minh in thành tập *Cori đường giải phóng*, chuyển phát về cơ sở để tuyên truyền rộng rãi. Tại Khuổi Nặm, sau HNTƯ 8, Bác đã viết thư kêu gọi: "Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu nước là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác một phần trách nhiệm... Hỡi các chiến sĩ cách mạng! Giờ giải phóng đã đến. Hãy phát cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung"².... Tiếp sau đó, chính tại đây, theo sáng kiến của Bác, báo *Việt Nam độc lập* đã ra đời, với mục đích: "cốt làm cho dân ta biết, biết các việc, biết đoàn kết, đặng đánh Tây, đánh Nhật làm cho Việt Nam độc lập, bình đẳng tự do"³.

Pác Bó với các địa danh Cốc Bó, Lũng Lan, Khuổi Nặm... nơi Bác Hồ đặt chân đầu tiên, nơi ở và làm việc của Người trong những ngày đầu trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo cách mạng trong nước đã đi vào lịch sử. Cốc Bó là nơi Người về ở đầu tiên; Khuổi Nặm là nơi Người ở lâu nhất trong suốt thời gian làm việc tại Pác Bó và cũng là nơi diễn ra HNTƯ 8 lịch sử do Người chỉ đạo.

Từ nơi "Đầu nguồn" ấy, Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo Đảng ta đã lãnh đạo đồng bào cả nước làm bùng lên cơn bão táp Cách mạng tháng Tám, đập tan ách thống trị của phát xít Pháp, Nhật, giành độc lập, tự do cho dân tộc.

1. 2, *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.3, tr.196, 198

3. Báo *Việt Nam độc lập*, số 101 (tức số 1, ngày 1-8-1941). Xem: *Sđd*, tr. 625

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH...

(Tiếp theo trang 39)

Cương lĩnh đầu tiên còn phát triển lý luận cách mạng thuộc địa trên một số vấn đề cơ bản. Đó là chia địa chủ ra làm ba hạng, trước mắt là đánh đổ đại địa chủ vì đã đi về phe đế quốc; trung và tiểu địa chủ thì tranh thủ hoặc trung lập họ. Đó là coi giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam vì bị đế quốc chèn ép không có thể lực gì, không nên nói họ đi về phe đế quốc được. Đó là coi giai cấp tiểu tư sản là yêu nước và cách mạng nên phải lôi kéo họ. Đó là Đảng không phải chung của Đông Dương mà là ĐCS Việt Nam. Người ta không thể bắt các dân tộc vào chung một Đảng.

Đây là những vấn đề không phù hợp với quan điểm của Đại hội VI QTCS (1928), nhưng lại rất sát đặc điểm dân tộc và đặc điểm giai cấp ở Việt Nam.

Đường lối CMDTDCND được xác định đúng đắn ngay khi Đảng mới thành lập, vừa là nền tảng để bổ sung, phát triển về sau, vừa soi sáng con đường thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Giá trị lý luận và thực tiễn của nó vẫn thuộc về vai trò Hồ Chí Minh, người chuẩn bị mọi mặt để sáng lập Đảng ta.

(Còn nữa)

1. Trong tác phẩm, Nguyễn Ái Quốc chưa đề cập đến nhiệm vụ chống phong kiến không phải vì chưa nhận thức được nhiệm vụ chống phong kiến đem lại ruộng đất cho nông dân ở thuộc địa. Từ năm 1924 Người đã phân tích bằng số liệu chi tiết về sở hữu ruộng đất lớn của địa chủ phong kiến ở Trung Quốc và kêu gọi các đồng chí Trung Quốc lãnh đạo một cuộc cách mạng với khẩu hiệu: "Tất cả ruộng đất về tay nông dân". Nhưng ở Việt Nam, Người cho rằng khốn khổ của nông dân về ruộng đất là do bọn thực dân cướp đoạt trắng trợn và gian lận để tăng mức thuế hàng năm, vì vậy phải chống đế quốc để giải quyết vấn đề ruộng đất của nông dân. Xem 2 bài cùng đăng ngày 4 - 1 - 1924 trên cùng tờ báo *Đời sống công nhân*: "Tình cảnh nông dân An Nam", "Tình cảnh nông dân Trung Quốc". Xem: *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T. 1, tr. 227 - 232

2, 3. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 1998, T.2, tr.2, 13.